TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09- 7- 2020
V/v Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm.

2. Ông Nguyễn Đinh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Không.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Hoàng T, sinh 1984. Địa chỉ: Ấp Quang Mỹ, xã Hiếu T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Trần Thị Thúy H, sinh 1986. Địa chỉ: Ấp T Hội, xã T An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Trần Thị Thúy H vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2020, nguyên đơn Lê Hoàng T trình bày:

Năm 2005, anh Lê Hoàng T và chị Trần Thị Thúy H kết hôn. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T An Hội. Đến ngày 21/3/2005, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn mang số 15, quyển số 01/2005. Anh

chị sống hòa T, hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn phát sinh, do tính tính không hòa hợp. Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Anh T khởi kiện xin ly hôn với chị H.

Anh chị có hai con chung là cháu Lê Trần Trung T, sinh ngày 24/02/2006 và cháu Lê Hoài Th, sinh ngày 20/10/2013. Hiện tại anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu Th. Khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu Th. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh T không yêu cầu chia tài sản chung, chia nợ chung.

Chị H đã được thông báo hợp lệ thông báo thụ lý giải quyết vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chị H không tham dự các phiên họp nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Anh Lê Hoàng T khởi kiện xin ly hôn và nuôi con đối với chị Trần Thị Thúy H, có nơi cư trú tại ấp T Hội, xã T An Hội huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xác định tranh chấp ly hôn và nuôi con, thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại khoản khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham dự phiên tòa. Lần thứ nhất vào ngày 03/6/2020, lần thứ hai vào ngày 03/7/2020. Nhưng chị H không tham dự các phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt chị H là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp. Mâu thuẩn vợ chồng phát sinh anh T khởi kiện xin ly hôn với chị H. Chị H đã được thông báo hợp lệ thông báo thụ lý giải quyết vụ án; thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham dự phiên tòa lần nhiều lần. Nhưng chị H đều vắng mặt không lý do và không ý kiến phản bác ý kiến yêu cầu của anh T nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2020. Điều này cho thấy, chị H đã thừa nhận ý kiến và yêu cầu của anh T nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2020 là đúng sự thật. Chứng minh được mục đích hôn nhân giữa anh T và chị H không thể đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Anh T khởi kiện xin ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

2.2. Hiện nay cháu Lê Trần Trung T, sinh ngày 24/02/2006, đã trên 07 tuổi, đang sống với anh T và có nguyện vọng tiếp tục sống với anh T; cháu

Lê Hoài Th, sinh ngày 20/10/2013, chưa đủ 07 tuổi, đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Nên giao anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu Th là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.3. Anh T không yêu cấp dưỡng nuôi con chung. Nên không xét.

2.4. Anh T không yêu cầu chia tài sản chung, chia nợ chung. Nên không xét.

[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc anh T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Án dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoàng T:

1. Hôn nhân:

Anh Lê Hoàng T được ly hôn với chị Trần Thị Thúy H.

2. Con chung:

Giao anh Lê Hoàng T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trần Trung T, sinh ngày 24/02/2006 và cháu Lê Hoài Th, sinh ngày 20/10/2013.

Chị Trần Thị Thúy H có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Cấp dưỡng nuôi con:

Không xét.

4. Chia tài sản chung, chia nợ chung:

Không xét.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc anh Lê Hoàng T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Anh T được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày25/02/2020, lai số 0007457. Anh T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt nguyên đơn Lê Hoàng T, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Trần Thị Thúy H vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Huỳnh Văn Vĩnh

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Mang Thít;*
- *CTTĐT.TAND Tối Cao;*
- *UBND xã T An Hội;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*